

Bản án số: 06/2023/DS-ST

Ngày: 29 - 3 - 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Bá Long và bà Đàm Thị Thơ.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Thị Hạnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị N, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt: Bà Th; vắng mặt: Bà N

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1- Theo đơn khởi kiện ngày 12/12/2022, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Th trình bày và đề nghị: Ngày 09/5/2022 (09/4/2022 Âm lịch), bà cho bà Phạm Thị N vay số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) hạn đến ngày 19/5/2022 (19/4/2022 Âm lịch) trả nợ. Bà N cam kết có trách nhiệm trả đầy đủ số tiền trên cho bà Th đúng thời hạn, nếu sai bà N xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Bà N viết và ký giấy vay tiền. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời hạn trả nợ mà bà N vẫn không trả tiền. Bà Th nhiều lần yêu cầu bà N trả nợ nhưng bà N không trả còn cố tình lẩn tránh. Bà Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn giải quyết buộc bà N phải trả cho bà số tiền 20.000.000 đồng, bà không yêu cầu tiền lãi.

2- Tại Bản tự khai ngày 19 tháng 12 năm 2022, bị đơn là bà Phạm Thị N trình bày: Ngày 09/5/2022, bà Th cho bà vay số tiền 20.000.000đ là đúng, hai bên

thỏa thuận ngày 19/5/2022 trả nợ nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà chưa có tiền trả nợ cho bà Th. Bà hứa sẽ trả tiền cho bà Th khi bà đi làm có thu nhập.

3 - Biên bản xác minh ngày 27 tháng 12 năm 2022, Ủy ban nhân dân xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn cung cấp: Bà Phạm Thị N có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện T, bà N làm nghề tự do, thời điểm xác minh bà N không có mặt tại địa phương.

4 - Ý kiến của kiểm sát viên tham gia tố tụng tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý thức chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án, cung cấp tài liệu, chứng cứ, giữ gìn trật tự và tuân theo sự điều khiển của Chủ tọa phiên tòa. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 463, 466 BLDS xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bà Phạm Thị N phải trả cho và bà Nguyễn Thị Th số tiền: 20.000.000đồng. Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả số tiền đã vay theo giấy vay tiền ngày 09/5/2022 (09/4/2022 Âm lịch), Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại xã Đồng Thắng, huyện Triệu Sơn, Thanh Hóa. Căn cứ Điều 26, 35,39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn.

- Trình tự tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng tại phiên họp, phiên tòa, bà N đều vắng mặt không có lý do. HĐXX phải ra quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất. Phiên tòa mở lại lần thứ hai, bà N tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Hợp đồng vay tiền: Giấy vay tiền ngày 09/5/2022 (09/4/2022 Âm lịch) thể hiện nội dung: Ngày 09/5/2022 (09/4/2022 Âm lịch), bà Nguyễn Thị Th cho bà Phạm Thị N vay số tiền 20.000.000 đồng, hạn đến ngày 19/5/2022 (19/4/2022 Âm lịch) trả nợ. Bà N ký tên người vay tiền. Tại Bản tự khai ngày 19 tháng 12 năm 2022, bà N thừa nhận vay 20.000.000đ của bà Th nhưng điều kiện kinh tế khó

khẩn nên chưa có tiền trả nợ. Hai bên ký kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, hợp đồng vay tài sản ngày 09/5/2022 (09/4/2022 Âm lịch) giữa các đương sự là hợp pháp. Quá thời hạn trả nợ theo hợp đồng nhưng bà N không trả tiền cho bà Th là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi đồng*) là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà Th là người cao tuổi đã được xét miễn tiền tạm ứng án phí và không phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 271, 273, 278, 280 BLTTDS; các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Phạm Thị N phải trả cho bà Nguyễn Thị Th số tiền: 20.000.000đồng (*Hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Th có đơn yêu cầu thi hành án, bà N còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại các Điều 357, 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thu**

